

Số: 443.../QĐ-DBV

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy tắc bảo hiểm TNDS chủ tàu cá

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

- Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Giấy phép số 49/GD/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 23/04/2008 về việc thành lập Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không và Giấy phép điều chỉnh số 49/GPDC43/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 06/5/2025 cho phép đổi tên thành Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV;
- Xét đề nghị của Giám đốc Ban Tài sản Kỹ thuật - Hàng hải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “**Quy tắc bảo hiểm TNDS chủ tàu cá**” của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 198/2019/QĐ-BHHK ngày 01/04/2019.

Điều 3. Các Ông/Bà Phó Tổng Giám đốc, các Ban, Chi nhánh, Đơn vị trực thuộc và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TGD (để b/c);
- Lưu VT, Ban TSKT-HH.

TUQ-TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC NGHIỆP VỤ



Tào Thi Thanh Hoa

QUY TẮC BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CHỦ TÀU CÁ

*(Ban hành theo Quyết định số 443/QĐ-DBV ngày 03 tháng 06 năm 2025
của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV)*

ĐỐI TƯỢNG BẢO HIỂM

Điều 1

- 1.1 Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV (DBV) nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu cho các tàu cá có đăng ký, đăng kiểm theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt nam.
- 1.2 Thuật ngữ tàu trong Điều khoản này bao gồm các loại tàu thuyền dùng để khai thác, chế biến, chuyên chở thủy sản, nghiên cứu khoa học, và tàu thuyền phục vụ trong ngành thủy sản như dùng để tiếp nhiên liệu, lương thực, thực phẩm, kể cả tàu thuyền công tác, kiểm tra,...

PHẠM VI BẢO HIỂM

Điều 2 Giới hạn bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu

Trách nhiệm cao nhất của DBV đối với mỗi vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm là thiệt hại thực tế do tàu được bảo hiểm gây ra mà chủ tàu phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Tòa án nhưng không vượt quá các giới hạn trách nhiệm đã ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm hoặc Giấy sửa đổi bổ sung (nếu có).

Điều 3 Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu ngoài hợp đồng

Với loại hình bảo hiểm này, DBV nhận trách nhiệm bồi thường:

- 3.1 Những chi phí thực tế phát sinh từ hoạt động của tàu được bảo hiểm mà chủ tàu phải chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật cũng như theo quyết định của Tòa án gồm:

- (a) Chi phí tẩy rửa ô nhiễm dầu, tiền phạt của chính quyền địa phương và các khiếu nại về hậu quả do ô nhiễm dầu gây ra;
- (b) Chi phí thả sáng, đánh dấu, phá hủy, di chuyển xác tàu được bảo hiểm bị đắm (nếu có);

DBV chỉ chịu trách nhiệm đối với xác tàu khi chủ tàu và người bảo hiểm thân tàu tuyên bố từ bỏ tàu.

- (c) Chi phí cần thiết và hợp lý trong việc ngăn ngừa và hạn chế tổn thất, trợ giúp cứu nạn;
- (d) Chi phí liên quan tới việc tố tụng, tranh chấp khiếu nại về trách nhiệm dân sự;

3.2 Trách nhiệm mà chủ tàu phải gánh chịu theo quy định của pháp luật do tàu được bảo hiểm gây ra làm:

- (a) Thiệt hại cầu cảng, đê đập, kè công, bè mảng, giàng đáy, công trình trên bờ hoặc dưới nước, cố định hoặc di động;
- (b) Bị thương hoặc thiệt hại tính mạng, tài sản của người thứ ba khác (không phải là thuyền viên trên tàu được bảo hiểm).

3.3 Những chi phí cần thiết và hợp lý trong việc:

DBV nhận trách nhiệm bồi thường những chi phí thực tế phát sinh từ tai nạn đâm va giữa tàu được bảo hiểm với tàu khác mà chủ tàu được bảo hiểm có trách nhiệm phải bồi thường cho người khác, nhưng không vượt quá giới hạn trách nhiệm đã được ghi trong Giấy chứng nhận bảo hiểm về:

- (a) Thiệt hại hư hỏng đối với tàu khác hay tài sản trên tàu khác ấy;
- (b) Chậm trễ hay mất thời gian sử dụng tàu khác hay tài sản trên tàu khác ấy;
- (c) Tổn thất chung, cứu nạn hay cứu hộ theo hợp đồng của tàu khác hay tài sản trên tàu khác ấy;
- (d) Trục vớt, di chuyển hoặc phá hủy xác tàu khác ấy;
- (e) Thuyền viên trên tàu khác ấy bị chết hoặc bị thương;



- (f) Tẩy rửa ô nhiễm do tàu khác gây ra.
- 3.4 DBV nhận bảo hiểm cả trong trường hợp xếp, dỡ sản phẩm hải sản, hàng hóa hoặc nguyên nhiên vật liệu ở ngoài biển sang tàu khác hoặc từ tàu khác sang tàu được bảo hiểm.

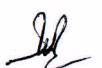
Điều 4 Bảo hiểm trách nhiệm chủ tàu đối với thuyền viên

DBV nhận trách nhiệm bồi thường chi phí mà chủ tàu phải gánh chịu theo quy định của pháp luật đối với:

- 4.1 Tai nạn, chết, thương tật và các tổn thất vật chất của thuyền viên trên tàu được bảo hiểm;
- 4.2 Chi phí y tế, chi phí mai táng liên quan đến tai nạn, chết của thuyền viên trên tàu được bảo hiểm;
- 4.3 Lương và các khoản phụ cấp lương hoặc trợ cấp của thuyền viên trong trường hợp tàu được bảo hiểm bị tổn thất toàn bộ.

Điều 5 Mở rộng phạm vi bảo hiểm

- 5.1 DBV nhận trách nhiệm bồi thường những chi phí hợp lý mà tàu được bảo hiểm chi ra trong trường hợp:
- (a) Khi thực hiện nghĩa vụ hay các biện pháp cần thiết nhằm mục đích cứu sinh mạng trên biển, sông, hồ với điều kiện Người được bảo hiểm có nghĩa vụ pháp lý đối với các chi phí đó và các chi phí đó không thể đòi được từ Người thứ ba.
- (b) Khi tàu được bảo hiểm đâm va với tàu cùng chủ hoặc cùng quyền quản lý. Khi đó, Người được bảo hiểm vẫn có mọi quyền theo bảo hiểm này như thể chiếc tàu đó hoàn toàn là của một chủ tàu không có quyền lợi liên quan đến tàu được bảo hiểm. Nhưng trong trường hợp đó, trách nhiệm về đâm va hoặc số tiền phải trả cho dịch vụ đã cung ứng phải được DBV đồng ý hay theo quyết định của tòa án.
- 5.2 Với điều kiện Người được bảo hiểm phải thỏa thuận trước và nộp thêm phí bảo hiểm theo yêu cầu của DBV, DBV nhận bảo hiểm cả trong trường hợp có sự thay đổi về phạm vi hoạt động, về việc đánh bắt hải sản, lai dắt không theo tập quán.



LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM

Điều 6 Những trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.

- 6.1 DBV không chịu trách nhiệm bồi thường nếu tổn thất xảy ra có thể trực tiếp hoặc gián tiếp được quy hợp lý bởi những nguyên nhân sau:
- (a) Tàu không đủ khả năng hoạt động, không có giấy phép hoạt động hoặc hoạt động ngoài phạm vi quy định, giấy phép đăng kiểm bị đình chỉ, hết hạn hoặc cho chạy tạm khi đã đến kỳ hạn kiểm tra tàu;
 - (b) Người được bảo hiểm hoặc người thừa hành như: đại lý, đại diện hoặc thuyền trưởng, sỹ quan và thuyền viên có hành động cố ý và/ hoặc hành vi gian dối trong việc gây ra tổn thất và/hoặc khai báo tổn thất;
 - (c) Vi phạm lệnh cấm do các cơ quan chức năng có thẩm quyền ban hành hoặc hoạt động đánh bắt hải sản trái phép;
 - (d) Vi phạm nghiêm trọng luật lệ giao thông, bao gồm:
 - Thuyền viên trong khi làm nhiệm vụ chịu ảnh hưởng của rượu, bia, ma túy hoặc các chất kích thích tương tự khác;
 - Tàu đi vào tuyến, luồng cấm;
 - Tàu chở quá tải;
 - Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
 - (e) Tàu không được bố trí đầy đủ định biên và/hoặc các chức danh thuyền viên trên tàu không có bằng hoặc chứng chỉ theo quy định (trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản giữa Người được bảo hiểm và DBV);
 - (f) Tàu neo đậu tại nơi không được phép neo đậu hoặc được phép neo đậu mà không được neo, buộc chắc chắn, không có thuyền viên trực, trông tàu dù ban ngày hay ban đêm;
- 6.2 Trừ khi có thỏa thuận khác, DBV không chịu trách nhiệm bồi thường mọi tổn thất hoặc những chi phí phát sinh do:



- (a) Rủi ro chiến tranh hoặc những rủi ro tương tự chiến tranh;
- (b) Bị cướp, bị bắt giữ tàu tại bất cứ nơi nào vì bất cứ lý do gì;
- (c) Tàu được trưng dụng hoặc sử dụng vào mục đích quân sự;
- (d) Hành động phá hoại hoặc khủng bố có tính chất chính trị;
- (e) Bất cứ vụ nổ của các loại vũ khí hoặc chất nổ nào;
- (f) Rủi ro nguyên tử.

Điều 7 Những chi phí loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

DBV không chịu trách nhiệm bồi thường đối với những chi phí có liên quan dưới đây:

- 7.1 Chi phí liên quan đến việc chậm trễ của tàu hoặc hàng hoá bị giảm giá trị, mất thị trường hoặc chi phí liên quan đến sản xuất kinh doanh của tàu được bảo hiểm;
- 7.2 Mọi số tiền có thể được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm thân tàu.

Điều 8 DBV không chịu trách nhiệm bồi thường mọi hư hỏng, mất mát và tổn thất liên quan đến tiền mặt, các loại giấy tờ có giá, kim loại quý, đá quý, đồ vật có giá trị quý hiếm hoặc các tài sản không cần thiết cho một chuyến đi thông thường của tàu.

HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Điều 9 Yêu cầu và chấp nhận bảo hiểm.

9.1 Yêu cầu bảo hiểm:

Khi yêu cầu bảo hiểm, Người yêu cầu bảo hiểm phải gửi cho DBV Giấy yêu cầu bảo hiểm. Để xem xét nhận bảo hiểm, DBV có thể yêu cầu người yêu cầu bảo hiểm cung cấp các tài liệu sau.

- (a) Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện nghề cá;

Quy tắc bảo hiểm TNDS chủ tàu cá



- (b) Sổ chứng nhận khả năng hoạt động tàu cá (Sổ đăng kiểm tàu cá);
- (c) Biên bản kiểm tra tàu khi giao nhận tàu hoặc Biên bản kiểm tra từng phần của đăng kiểm;
- (d) Báo cáo tình hình tổn thất của tàu xảy ra trước khi yêu cầu bảo hiểm và hợp đồng bảo hiểm cũ (nếu có).

9.2 Chấp nhận bảo hiểm:

Trên cơ sở Giấy yêu cầu bảo hiểm và các thông tin về tàu được bảo hiểm do Người yêu cầu bảo hiểm cung cấp, DBV sẽ xem xét để nhận bảo hiểm và cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm. Giấy yêu cầu bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm, các giấy sửa đổi bổ sung đính kèm và chứng từ thanh toán phí bảo hiểm là bộ phận cấu thành Hợp đồng bảo hiểm. Ngày cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm được coi là ngày ký Hợp đồng bảo hiểm.

- (a) DBV có quyền yêu cầu được kiểm tra tàu trước khi nhận bảo hiểm.
- (b) Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận bảo hiểm, DBV có quyền yêu cầu được kiểm tra tình trạng chung của tàu. Nếu xét thấy không đảm bảo, DBV sẽ thông báo chấm dứt hiệu lực bảo hiểm hoặc giới hạn phạm vi bảo hiểm cho đến khi tàu được sửa chữa lại phù hợp với các quy phạm của đăng kiểm.

Điều 10 Thanh toán phí bảo hiểm

10.1 Phí bảo hiểm:

- (a) Phí bảo hiểm được tính trên cơ sở mức trách nhiệm bảo hiểm và mức phí bảo hiểm áp dụng cho tàu tham gia bảo hiểm theo các điều kiện bảo hiểm cụ thể.
- (b) Người được bảo hiểm có trách nhiệm thanh toán phí bảo hiểm theo quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo hiểm, trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc thông báo thu phí.

10.2 Thời hạn nộp phí bảo hiểm:

Thời hạn nộp phí bảo hiểm được quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc thông báo thu phí.



Trường hợp đến hạn thanh toán phí bảo hiểm, Người được bảo hiểm không thanh toán, trừ khi có thỏa thuận khác, Hợp đồng bảo hiểm sẽ tự động chấm dứt / đình chỉ hiệu lực bảo hiểm cho đến khi Người được bảo hiểm thanh toán phí bảo hiểm. Trong trường hợp đó bất kỳ tổn thất nào xảy ra trong giai đoạn hợp đồng bị chấm dứt/ đình chỉ hiệu lực bảo hiểm sẽ không thuộc trách nhiệm bồi thường của DBV.

Trường hợp Người được bảo hiểm không nộp phí bảo hiểm theo đúng quy định, ngoài việc tự động chấm dứt/ đình chỉ hiệu lực bảo hiểm, Người được bảo hiểm vẫn phải nộp số phí cho thời gian đã bảo hiểm cho dù có tổn thất hay không.

10.3 Thanh toán phí bảo hiểm trong trường hợp tàu bị tổn thất toàn bộ.

Người được bảo hiểm phải nộp toàn bộ số phí bảo hiểm cho DBV trong trường hợp tàu bị tổn thất toàn bộ làm phát sinh trách nhiệm của DBV.

Trường hợp tổn thất toàn bộ tàu không làm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm của DBV, Người được bảo hiểm phải nộp phí bảo hiểm cho thời gian được bảo hiểm đến khi xảy ra tổn thất toàn bộ nhưng không dưới phí bảo hiểm tính cho 01 (một) tháng.

Điều 11 Hoàn phí bảo hiểm.

11.1 Trường hợp Người được bảo hiểm và DBV thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu trước thời hạn bằng văn bản, DBV sẽ hoàn lại 80% (tám mươi phần trăm) số phí bảo hiểm đã nộp cho thời gian bảo hiểm chưa đến hạn tính từ ngày Hợp đồng được chấp nhận chấm dứt. Việc hoàn phí sẽ được thực hiện sau khi chấm dứt Hợp đồng.

11.2 Trong mọi trường hợp, DBV chỉ hoàn phí bảo hiểm cho phần phí bảo hiểm vượt quá phí bảo hiểm tính cho 01 (một) tháng.

Điều 12 Thời hạn bảo hiểm.

12.1 Thời hạn bảo hiểm:

Trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản, thời hạn bảo hiểm được quy định cụ thể trên Giấy chứng nhận bảo hiểm, dài nhất không quá 12 (mười hai) tháng, ngắn nhất không dưới 03 (ba) tháng.



12.2 Gia hạn Hợp đồng bảo hiểm:

Khi Giấy chứng nhận bảo hiểm đã hết hạn mà tàu còn đang trong chuyến hành trình hoặc đang gặp nguy hiểm hay đang ghé vào một nơi nào đó để lánh nạn thì tàu vẫn có thể được tiếp tục bảo hiểm cho đến khi về neo cột an toàn tại cảng đầu tiên, với điều kiện Người được bảo hiểm phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho DBV xin gia hạn Hợp đồng bảo hiểm và nộp thêm phí bảo hiểm theo yêu cầu của DBV.

12.3 Chấm dứt hiệu lực bảo hiểm, đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm:

(a) Chấm dứt hiệu lực bảo hiểm:

Trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản, hiệu lực bảo hiểm theo Điều khoản này sẽ tự động chấm dứt ngay sau khi phát sinh một trong những trường hợp sau:

- (i) Người được bảo hiểm không nộp phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Hợp đồng bảo hiểm hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm (trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản);
 - (ii) Tàu bị đình chỉ hoạt động;
 - (iii) Tàu được chuyển chủ (trừ khi chủ tàu đã thông báo cho DBV và được DBV chấp nhận bằng văn bản);
 - (iv) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và các giấy tờ đăng kiểm khác của tàu mất hiệu lực hay hết thời hạn;
 - (v) Riêng đối với trường hợp các giấy tờ đăng kiểm của tàu hết thời hạn trong lúc tàu còn đang trong chuyến hành trình thì việc chấm dứt hiệu lực bảo hiểm sẽ được hoãn lại cho đến khi tàu về bến đến, cảng đầu tiên với điều kiện là hành trình của tàu bị kéo dài hợp lý và đã thông báo cho DBV biết trước bằng văn bản;
- (b) Đơn phương chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm:

DBV có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng sau khi thông báo trước 03 (ba) ngày cho Người được bảo hiểm nếu có sự thay đổi liên quan đến tàu được bảo



hiểm làm tăng đáng kể rủi ro mà DBV chấp nhận bảo hiểm. Nếu tàu còn đang trong chuyến hành trình vào thời điểm thông báo thì theo yêu cầu bằng văn bản của Người được bảo hiểm việc chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm sẽ được hoãn lại cho đến khi tàu về đến bến, cảng đầu tiên với điều kiện là hành trình của tàu bị kéo dài hợp lý. DBV sẽ hoàn lại số phí bảo hiểm đã nộp cho thời gian bảo hiểm chưa đến hạn tính từ ngày Hợp đồng bị chấm dứt.

- (c) Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm theo thoả thuận giữa hai bên

Hợp đồng bảo hiểm có thể được chấm dứt trước thời hạn khi có thoả thuận chấm dứt bằng văn bản giữa Người được bảo hiểm và DBV.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

Điều 13 Giới hạn trách nhiệm dân sự chủ tàu

Trách nhiệm cao nhất của DBV đối với mỗi vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm là thiệt hại thực tế do tàu được bảo hiểm gây ra mà chủ tàu phải chịu trách nhiệm theo pháp luật hoặc quyết định của toà án nhưng không vượt quá các giới hạn trách nhiệm đã ghi trong Giấy chứng nhận bảo hiểm.

NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM

Điều 14 Nghĩa vụ cung cấp thông tin.

- 14.1 Người yêu cầu bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm phải thông báo chính xác, đầy đủ mọi thông tin liên quan đến tàu được bảo hiểm vào thời điểm ký kết Hợp đồng để DBV có thể đánh giá mức độ rủi ro mà DBV chấp nhận bảo hiểm.

- 14.2 Nếu sau khi Hợp đồng bảo hiểm được ký kết, các thông tin liên quan đến tàu được bảo hiểm được cung cấp cho DBV khi ký kết Hợp đồng bảo hiểm lại có sự thay đổi, Người yêu cầu bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm phải thông báo ngay cho DBV biết, đặc biệt là những thay đổi liên quan đến tình trạng tàu được bảo hiểm: thay đổi kết cấu tàu, thay máy tàu,...

DBV có thể cấp Giấy sửa đổi bổ sung về những sự thay đổi đó và thu thêm phí bảo hiểm nếu xét thấy những sự thay đổi đó làm tăng thêm rủi ro và trách nhiệm bảo hiểm của DBV hoặc chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm và/hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 trên đây.

Điều 15 Tình trạng tàu và điều hành tàu.

Người được bảo hiểm và người thừa hành như người đại lý, đại diện hoặc thuyền trưởng, sỹ quan và thuyền viên phải tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan, bao gồm:

- 15.1 Tàu phải được đóng mới, hoán cải, trang bị thiết bị, bảo quản, khai thác theo đúng quy phạm kỹ thuật của Đăng kiểm.
- 15.2 Thuyền viên trên tàu phải đủ định biên, có bằng cấp và chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật có liên quan.
- 15.3 Khi neo đậu, tàu phải được neo, buộc chắc chắn và phải có thuyền viên trực, trông tàu dù ban ngày hay ban đêm để đảm bảo có hành động can thiệp ngay lập tức khi có tình huống nguy hiểm.

Người được bảo hiểm và người thừa hành phải hỗ trợ DBV hoặc người được DBV ủy quyền kiểm tra tình trạng tàu khi được DBV yêu cầu.

Điều 16 Đề phòng và hạn chế tổn thất

- 16.1 Người được bảo hiểm có nghĩa vụ chăm sóc, bảo quản tốt tàu được bảo hiểm. Người được bảo hiểm phải thực hiện mọi biện pháp có thể để ngăn chặn tàu được bảo hiểm gặp phải sự kiện bảo hiểm hoặc hạn chế hậu quả có thể xảy ra.
- 16.2 Khi xảy ra tổn thất có liên quan đến trách nhiệm của DBV, Người được bảo hiểm phải áp dụng mọi biện pháp cần thiết nhằm bảo vệ, cứu hộ người, phương tiện, tài sản và hàng hóa nhằm hạn chế tổn thất xảy ra.
- 16.3 DBV có thể cùng tham gia hoặc thay thế Người được bảo hiểm thực hiện các biện pháp đề phòng và hạn chế tổn thất này mà không phải là sự chấp nhận bồi thường và không làm phương hại quyền và nghĩa vụ của mỗi bên.

Điều 17 Thông báo tổn thất.

Khi xảy ra tai nạn, Người được bảo hiểm phải:

- 17.1 Trình báo ngay cho chính quyền địa phương, công an hoặc đơn vị quản lý đường thủy nội địa gần nhất để lập biên bản theo quy định.



- 17.2 Thông báo ngay cho DBV và thông báo bằng văn bản cho DBV biết chậm nhất không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn hoặc từ ngày tàu về đến bến, cảng đầu tiên.
- 17.3 Người được bảo hiểm phải thông báo và chuyển cho DBV ngay khi nhận được thông tin, thư khiếu nại, biên bản, chứng từ pháp lý liên quan đến vụ tai nạn.
- 17.4 Nếu người được bảo hiểm vi phạm các nghĩa vụ quy định từ Điều 14 đến Điều 17 trên đây, DBV có quyền từ chối bồi thường một phần hoặc toàn bộ số tiền khiếu nại.

GIÁM ĐỊNH VÀ BỒI THƯỜNG TỔN THẤT

Điều 18 Giám định tổn thất.

- 18.1 Khi nhận được thông báo về tổn thất của Người được bảo hiểm, DBV sẽ chỉ định Người giám định tiến hành giám định để xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại và tổn thất. Người được bảo hiểm phải thu xếp và tạo điều kiện tốt nhất để Người giám định tiến hành giám định tổn thất và giải quyết tai nạn ngay khi có thể. Việc giám định phải được thực hiện trước khi tiến hành sửa chữa các tổn thất, khắc phục hậu quả của Người thứ ba có liên quan trừ khi có sự chỉ thị khác bằng văn bản của DBV. Trong quá trình giám định và giải quyết tai nạn, Người giám định có thể yêu cầu sự chứng kiến của Thuyền trưởng, đại diện chủ tàu và những nhân chứng có liên quan.
- 18.2 Trường hợp hồ sơ khiếu nại không có Biên bản giám định của Người giám định được DBV chỉ định, DBV có quyền từ chối giải quyết bồi thường toàn bộ hoặc một phần số tiền khiếu nại, trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản.

Điều 19 Bồi thường thiệt hại cho người thứ ba.

- 19.1 Trường hợp tàu được bảo hiểm gây ra tổn thất cho người thứ ba mà có liên quan đến trách nhiệm bồi thường của DBV thì người được bảo hiểm phải làm theo sự chỉ dẫn của DBV hoặc đại diện do DBV chỉ định. Người được bảo hiểm không được tự ý công nhận trách nhiệm, thỏa thuận, giải quyết, đưa ra xét xử mà không có ý kiến chính thức bằng văn bản của DBV.
- 19.2 DBV sẽ không chấp nhận bồi thường toàn bộ hoặc một phần số tiền mà Người

được bảo hiểm tự ý giải quyết với Người thứ ba khi chưa có thỏa thuận bằng văn bản của DBV.

Điều 20 Hồ sơ khiếu nại bồi thường.

Khi yêu cầu DBV bồi thường, Người được bảo hiểm phải cung cấp cho DBV những tài liệu sau:

- 20.1 Thư khiếu nại đòi bồi thường của Người được bảo hiểm;
- 20.2 Hợp đồng bảo hiểm và/hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm;
- 20.3 Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện;
- 20.4 Bảng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên (tùy theo từng trường hợp cụ thể);
- 20.5 Báo cáo tai nạn hoặc tổn thất và/hoặc kháng nghị hàng hải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi xảy ra tai nạn hoặc bến, cảng đến đầu tiên (nếu tai nạn xảy ra khi tàu đang hành trình);
- 20.6 Biên bản giám định của DBV hoặc của Người giám định do DBV chỉ định;
- 20.7 Biên bản tai nạn do chính quyền địa phương, cơ quan quản lý giao thông hoặc công an lập theo các quy định nhà nước hiện hành (trường hợp liên quan đến người, tàu và tài sản của người thứ ba);
- 20.8 Hoá đơn, chứng từ, thỏa thuận bồi thường cho người thứ ba liên quan đến những chi phí đòi bồi thường;
- 20.9 Thư khiếu nại và toàn bộ tài liệu, chứng từ liên quan đến người thứ ba;
- 20.10 Những chứng từ có liên quan khác (trích sao sổ hành trình, nhật ký máy, nhật ký thời tiết hay các giấy tờ khác của tàu,... tùy theo từng trường hợp cụ thể).

Sau khi DBV nhận được đầy đủ hồ sơ khiếu nại nói trên của Người được bảo hiểm, nếu trong vòng 30 (ba mươi) ngày mà không có yêu cầu gì thêm thì hồ sơ khiếu nại đó được coi là đầy đủ và hợp lệ.

Điều 21 Mức khấu trừ



- 21.1 Mức khấu trừ được ghi cụ thể trên Giấy chứng nhận bảo hiểm, nếu một vụ tổn thất được chấp nhận bồi thường thì DBV sẽ khấu trừ vào số tiền bồi thường mức khấu trừ đó
- 21.2 Những khiếu nại tổn thất dưới mức khấu trừ được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm không thuộc trách nhiệm của DBV.

Điều 22 Thời hạn thanh toán bồi thường.

- 22.1 Đối với những khiếu nại thuộc trách nhiệm bảo hiểm, DBV phải trả lời việc bồi thường trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ khiếu nại hợp lệ của Người được bảo hiểm.
- 22.2 Trong trường hợp Người được bảo hiểm không chấp nhận việc DBV từ chối bồi thường đối với một phần của số tiền mà Người được bảo hiểm đã khiếu nại thì DBV sẽ bồi thường trước phần tiền khiếu nại đã được hai bên chấp nhận, số tiền còn lại sẽ được tiếp tục xem xét giải quyết khi Người được bảo hiểm có văn bản, chứng từ chứng minh thêm hoặc thỏa thuận với DBV về số tiền bồi thường.

THỜI HẠN YÊU CẦU BỒI THƯỜNG VÀ THỜI HIỆU KHỞI KIẾN

Điều 23 Thời hạn nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm

Thời hạn nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm là 01 năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan không tính vào thời hạn nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm.

Điều 24 Thời hiệu khởi kiện

Thời hiệu khởi kiện liên quan đến hợp đồng bảo hiểm hàng hải là 02 năm kể từ ngày phát sinh tranh chấp.

Điều 25 Thẩm quyền giải quyết tranh chấp

Trừ khi có thỏa thuận khác, mọi tranh chấp có liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và/hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm giữa Người được bảo hiểm và DBV, nếu không giải quyết được bằng thương lượng sẽ đưa ra toà án nơi Người bảo hiểm đặt trụ sở để giải quyết./.